

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 43/2018/HSPT
Ngày 16-4-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hằng**.
Các Thẩm phán:

- Ông **Trương Văn Sang**;
- Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Vân**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thúy Thảo**, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo Châu Thị Mộng K và Lâm Thị Thanh H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Châu Thị Mộng K, sinh năm: 1992 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu L và bà Lâm Thị Thanh H; Chồng là anh Nguyễn Văn H và có 01 người con (sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được khởi tố, điều tra tại ngoại.

2. Lâm Thị Thanh H, sinh năm: 1970 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Minh T (chết) và bà Đặng Thị T1 (chết); Chồng là ông Châu L và có 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được khởi tố, điều tra tại ngoại.

Bị cáo K, bị cáo H có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Thị Mộng K là nhân viên làm thuê tại quán cơm Minh P, tọa lạc ấp M xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Ngô Thị Thùy T2 làm chủ, K được giao nhiệm vụ trực tiếp thu tiền của khách, rồi giao lại cho người quản lý tiền của quán.

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 28-02-2017, anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1996, thường trú ấp M, xã M1, huyện C là nhân viên quán phát hiện K trộm số tiền 2.300.000 đồng giấu vào trong quần đang mặc nên báo cho anh Đặng Hải Đ, sinh năm 1976, thường trú ấp M2, xã T, huyện C là quản lý của quán. Anh Đ mở camera giám sát của quán kiểm tra phát hiện hành vi trộm cắp của K nên trình báo Công an xã M1, huyện C đến lập biên bản và thu giữ số tiền 2.300.000 đồng, đồng thời báo cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Châu Thị Mộng K khai nhận, ngoài lần trộm cắp tài sản của quán bị phát hiện bắt quả tang, trước đó khoảng thời gian cuối tháng 5/2016 đến khoảng cuối tháng 02/2017 (không nhớ rõ ngày cụ thể), K đã nhiều lần (không nhớ rõ bao nhiêu lần) lấy trộm tiền của quán cơm Minh P. Cách thức thực hiện, sau khi thu tiền của khách, lợi dụng lúc đông khách, mọi người không chú ý, K lấy tiền giấu vào trong người; khoảng một đến hai ngày K lấy trộm tiền một lần, có lúc thuận lợi trong một ngày K trộm cắp nhiều lần, K không nhớ cụ thể mỗi lần lấy trộm số tiền là bao nhiêu, chỉ xác định được lần lấy trộm ít nhất là 600.000 đồng, lần trộm nhiều nhất là 6.000.000 đồng vào ngày 19-02-2017, tính đến ngày bị phát hiện, đã xác định được tổng số tiền mà K trộm cắp là 332.600.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được tiền, K dùng tiền trộm mua trang sức để sử dụng với số tiền 95.587.204 đồng.

Tất cả vật chứng là trang sức trên đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ cùng 01 điện thoại di động Nokia 105 và số tiền 14.300.000 đồng do K giao nộp.

Ngoài ra, qua điều tra xác định từ tháng 7/2016 (không rõ ngày cụ thể) K còn sử dụng số tiền trộm cắp được nhiều lần cho Lâm Thị Thanh H và Châu L (cha, mẹ ruột của K) với tổng số tiền là 181.330.911 đồng. Cụ thể:

- H và L biết rõ đó là tiền do K trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng đồng lòng nhận và sử dụng vào mục đích chung với số tiền 91.750.000 đồng để đóng hụi và cho Võ Thị N (X), sinh năm 1960 mượn 8.000.000 đồng. Đồng thời, H và L sử dụng tiền để sửa chữa nhà là 8.000.000 đồng.

- Số tiền còn lại 89.580.911 đồng cả hai sử dụng mua sắm nữ trang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ những tài sản trên cùng số tiền 8.000.000 đồng do H giao nộp.

Đối với Châu Thị Mộng Q (em ruột K) đã nhận tiền và tài sản do K cho với số tiền là 39.000.000 đồng, cụ thể: khoảng từ tháng 10/2016 cách từ ba đến bốn

ngày thì K cho Q từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, tổng cộng Q đã nhận tiền do K cho là 16.000.000 đồng; ngoài ra, K còn mua cho Q 01 mặt dây chuyền tròn có hạt đá vàng 14k trọng lượng 0,36 chỉ và 21 chiếc vòng ximen vàng 14k trọng lượng 10,91 lượng tương đương số tiền là 23.082.087 đồng. Q biết rõ nguồn gốc số tiền và vàng mà K cho Q do K trộm mà có nhưng vẫn đồng ý nhận và cùng đi mua với K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Châu Thị Mộng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Lâm Thị Thanh H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Châu Thị Mộng K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Thị Thanh H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh, hình phạt của các bị cáo Châu L, Châu Thị Mộng Q, phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

- Ngày 12 tháng 02 năm 2018, bị cáo Châu Thị Mộng K có đơn kháng cáo bản án hình sự số 06/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 12 tháng 02 năm 2018, bị cáo Lâm Thị Thanh H có đơn kháng cáo bản án hình sự số 06/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Thị Mộng K và bị cáo Lâm Thị Thanh H đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên với mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là nặng, nên bị cáo Châu Thị Mộng K kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo về phần hình phạt. Do vậy bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo Lâm Thị Thanh H bị

cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Do vậy bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm trong phần tranh luận, đại diện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tranh luận và luận tội cho rằng, tại phiên tòa các bị cáo Châu Thị Mộng K và bị cáo Lâm Thị Thanh H đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời thừa nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Châu Thị Mộng K phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tuyên bố bị cáo Lâm Thị Thanh H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ đúng người, đúng tội không oan sai. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của người khác. Khi xét xử tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt cho phù hợp, vì vậy tòa cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Châu Thị Mộng K 07 (bảy) năm tù giam và tuyên phạt bị cáo Lâm Thị Thanh H 02 (hai) năm tù giam với mức hình phạt đối với hai bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Châu Thị Mộng K và bị cáo Lâm Thị Thanh H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Các Quyết định khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Thị Mộng K và bị cáo Lâm Thị Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Thị Mộng K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Thị Thanh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Châu Thị Mộng K phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Lâm Thị Thanh H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của người khác, các bị cáo biết rõ hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi

của bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ở đây cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, khi quyết định hình phạt, tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt cho phù hợp và đã xử phạt bị cáo Châu Thị Mộng K 07 (bảy) năm tù và xử phạt bị cáo Lâm Thị Thanh H 02 (hai) năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cho rằng các bị cáo đã tự khai báo hành vi phạm tội của các bị cáo cho Cơ quan điều tra biết và tự giao nộp tiền và tài sản tính ra thành tiền là **232.850.000** đồng như vậy các bị cáo đã làm giảm bớt tác hại của tội phạm và có thể xem là đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại, nên bị hại đã đề nghị tòa giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hơn nữa hiện nay các bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo Châu Thị Mộng K hiện có 01 con còn nhỏ sinh năm 2014 lại bị bệnh tâm thần, sau khi bị cáo phạm tội, chồng bị cáo đã bỏ bị cáo và không còn chung sống với bị cáo, bị cáo đang là người trực tiếp nuôi đứa con tâm thần, đối với bị cáo Lâm Thị Thanh H (là mẹ ruột của bị cáo Châu Thị Mộng K) do cả hai mẹ con đều lâm vào con đường lao lý, gia đình hiện rất khó khăn về kinh tế, một mình bị cáo K sẽ không thể nào chăm sóc được đứa con tâm thần và cũng không thể nào nuôi nấng con. Chính vì vậy mà cả hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mà khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo và sớm về để nuôi dạy con và cháu khi còn rất nhỏ. Như vậy tại phiên Tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã bổ sung thêm được 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009 và tình các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009. Do vậy với mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo có phần nào hơi nghiêm khắc. Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đối với bị cáo Châu Thị Mộng K, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm a, b, p, o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Như vậy do bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xét cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009 quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định nhưng trong khung liền kề, như vậy Hội xét xử quyết định giảm mức

hình phạt cho bị cáo là 04 (bốn) năm tù giam, xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù giam.

Đối với bị cáo Lâm Thị Thanh H xin được hưởng án treo, xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bị cáo xin được hưởng án treo, mà chỉ có thể giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo K có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm a, b, p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Như vậy do bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009 nên Hội đồng xét xử xét cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được bổ sung năm 2009 quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định nhưng trong khung liền kề, như vậy Hội xét xử quyết định giảm mức hình phạt cho bị cáo là 01 (một) năm tù giam, xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù giam.

Trong vụ án này tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là từ tháng 05/2016 cho đến ngày bị bắt là 28-02-2017, theo Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 V/v áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Tại điểm b Điều 1 Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 quy định:

b) Các điều khoản của BLHS năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử....

Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Thị Mộng K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

Đối với tội “Trộm cắp tài sản” theo Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 được quy định tại Điều 173. Tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

Như vậy mức hình phạt được quy định ở Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và mức hình phạt được quy định ở Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là bằng nhau. Như vậy đối chiếu với quy định tại điểm b điều 1 Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 thì không áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 mà áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo Châu Thị Mộng K mới đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy cần điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy căn cứ vào Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 thì các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử các bị cáo cũng phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo cần áp dụng theo quy định tại điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về phần hình phạt đối với bị cáo Châu Thị Mộng K và bị cáo Lâm Thị Thanh H.

[4] Về án phí HSPT: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí tòa án. Các bị cáo K và H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các Quyết định khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Châu Thị Mộng K;
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lâm Thị Thanh H;
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 02-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Châu Thị Mộng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lâm Thị Thanh H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 138; điểm a, b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Châu Thị Mộng K **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 250; điểm a, b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Thị Thanh H **01 (một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về án phí HSPT: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí tòa án. Các bị cáo K và H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thu Hằng